

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
chia tài sản khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Lê Văn Phụng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Phước Lợi - kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 979/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị Th, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số 337 tổ 13 ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư ông Nguyễn Phước Hậu – Công ty luật TNHH MTV Tấn Thành thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt);

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số 590 tổ 19 ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và ngày 07/12/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Th trình bày:

Bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 1996, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 08/9/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, ông Mông có người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà Trương Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: 02 con chung tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 16/10/2003 đều đã trưởng thành

- Về tài sản chung:

+ 01 căn nhà ngói, xây dựng trên đất cha mẹ chồng cho ở nhờ và vật dụng sinh hoạt trong gia đình, hiện ông M đang quản lý, sử dụng. Đối với căn nhà và vật dụng sinh hoạt trong gia đình bà Th không tranh chấp.

+ 01 diện tích đất nông nghiệp 8100m², khi đo đạc thực tế là 8932m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH01853 thửa đất số127, tờ bản đồ 17 đất tọa lạc ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Khi ly hôn bà Th yêu cầu chia đôi diện tích đất 8932m², đối với cây trồng trên đất thì không tranh chấp.

Ngày 10/01/2022 bà Trương Thị Th có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với diện tích đất nông nghiệp 8932m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH01853 thửa đất số127, tờ bản đồ 17 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông Nguyễn Văn M đứng tên, đất tọa lạc ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về tài sản chung bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Th về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ông Nguyễn Văn M đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Th.

- Về con chung: 02 con chung tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 16/10/2003 đều đã trưởng thành

- Về tài sản chung:

+ 01 căn nhà ngói, xây dựng trên đất cha mẹ chồng cho ở nhờ và vật dụng sinh hoạt trong gia đình, hiện ông Mông đang quản lý, sử dụng.

+ 01 diện tích đất nông nghiệp 8100m², khi đo đạc thực tế là 8932m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH01853 thửa đất số127, tờ bản đồ 17 đất do ông Nguyễn Văn M đang canh tác, tọa lạc ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Về tài sản chung ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa:

Bà Trương Thị Th vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ông Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước Hậu đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn, về con chung đã trưởng thành không đề cập xem xét, về tài sản chung giữa bà Th và ông M đã tự thỏa thuận tài sản chung, bà Th xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị: Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Th đối với ông M, về nợ chung: không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 1996 có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, quá trình sống chung vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, ông M và bà Th thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014;

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 16/10/2003 đều đã trưởng thành, nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc Ê (cha chồng bà Th) cầm cố 02 công đất cho ông Nguyễn Văn D nhưng không có tiền chuộc nên vợ chồng bà Th chuộc và cha mẹ có cho thêm đất, tổng cộng 8100m² đất (qua đo đạc thực tế là 8932m²), GCNQSD đất số CH01853 ngày 20/9/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Nguyễn Văn M. Bà Th yêu cầu chia đôi diện tích đất trên. Phía ông M không đồng ý chia tài sản và muốn để lại cho con.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất 8100m², nên căn cứ Điều 217; 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất 8100m² của bà Trương Thị Th.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn với ông Nguyễn Văn M, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn M với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M đi đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa bà Th và ông M đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, và hiện tại vợ chồng đã không sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông M mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và việc thuận tình ly hôn giữa bà Th và ông M là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: 02 con chung tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 16/10/2003 đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Có căn nhà ngói, xây dựng trên đất cha mẹ ruột của ông M cho ở nhờ và vật dụng sinh hoạt trong gia đình, bà Th không tranh chấp với ông M về căn nhà và vật dụng sinh hoạt trong gia đình; 01 diện tích đất 81000m² (qua đo đạc thực tế 8932m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH01853 thửa đất số 127, tờ bản đồ 17, do UBND huyện Chợ Mới cấp ông Nguyễn Văn M đứng tên, đất tọa lạc ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Khi ly hôn bà Th yêu cầu chia đôi diện tích đất 8932m². Tuy nhiên, vào ngày 10/01/2022 bà Trương Thị Th có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 8932m² đối với ông Nguyễn Văn M, việc bà Trương Thị Th xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Nguyễn Văn M là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Trương Thị Th đối với ông Nguyễn Văn M là có căn cứ. Về tài sản chung

giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: không có

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Trương Thị Th đã tạm ứng 3.327.600 đồng, số tiền này bà Trương Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Th được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại 5.000.000 đồng cho bà Trương Thị Th theo biên lai thu số 0009074 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 28, 35, khoản 1; Điều 227; Điều 217; 244; 147, 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển I/2008, ngày 08 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 16/10/2003 đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Trương Thị Th đối với ông Nguyễn Văn M về diện tích đất nông nghiệp 8932m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH01853 thửa đất số 127, tờ bản đồ 17, do UBND huyện Chợ Mới cấp ông Nguyễn Văn M đứng tên, đất tọa lạc ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4. Về nợ chung: Không có

5. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Trương Thị Th đã tạm ứng 3.327.600 đồng, số tiền này bà Trương Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ.

6. Về án phí: Bà Trương Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009074

ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Hoàn lại 5.000.000 đồng cho bà Trương Thị Th theo biên lai thu số 0009074 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu